

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẤP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 3 - 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Nội.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
2. Ông Nguyễn Bạch Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Pha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp HH, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Văn Công L, sinh năm 1986; địa chỉ: Địa chỉ: ấp HH, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào ngày 24 tháng 12 năm 2005 chị H và anh L tổ chức đám cưới và đến ngày 08/9/2006 đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Khánh Trung được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyền số 01/2006 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến ngày 13/01/2021 thì bắt đầu xảy ra

mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vấn đề tiền bạc. Hơn nữa, anh L làm ở Bình Dương đã có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên không còn quan tâm đến vợ và con. Vào ngày 29/12/2021, Toà án có tiền hàng hoà giải tình cảm của vợ chồng, tại buổi hoà giải anh L hứa cho anh L thời hạn 15 ngày để anh L tìm cách khắc phục để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Nhưng từ đó đến nay anh L cũng không quan tâm đến vợ con mà vợ chồng vẫn mạnh ai người đó sống, anh L cũng không có đến Toà để hoà giải về hôn nhân, chứng tỏ anh L chỉ nói chứ không có thiện chí mong muốn hoà giải để vợ chồng đoàn tụ lại với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên H nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh L, không đồng ý đoàn tụ.

2. Về nuôi con chung: Quá trình sống chung chị H và anh L có 03 con chung tên Văn Công Tuấn V, sinh ngày 30/4/2006, Văn Công Tuấn Kh, sinh ngày 13/10/2013 và Văn Công Tuấn Ph, sinh ngày 07/10/2015, con chung hiện đang sống với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết;

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Văn Công L trình bày tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 29/12/2021 như sau: Anh L thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian vợ chồng sống chung và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình sống chung thì anh L đi làm phụ quán ăn tại Bình Dương còn vợ thì ở nhà nuôi con. Hàng tháng anh L có tiền thì gửi về cho vợ để nuôi con, tháng nào có tiền thì gửi vài triệu, tháng nào có ít thì gửi ít. Nhưng từ đầu năm đến nay do tình hình dịch bệnh không có việc làm nên có tháng gửi có tháng không gửi nên vợ chồng lục đục với nhau. Việc chị H nói anh L có người phụ nữ khác ở bên ngoài là không có, khi vợ gọi điện lên nhiều khi để máy xác bìn trong quán khi có điện thoại chắc các nhân viên nữ nghe dùm, chứ anh L không có bồ bịch gì. Nay anh L, vẫn còn tH vợ nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con nên anh L không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị H. Anh L, yêu cầu Toà án cho anh L 15 ngày kể từ ngày 29/12/2021 để anh L tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau 15 ngày sau thì Tòa án mời hai vợ chồng đến giải quyết.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Chị H và anh L tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp. Trong thời

gian chung sống chị H và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không có yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu được ly hôn với anh Văn Công L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn Văn Công L có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Văn Công L đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Văn Công L.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Văn Công L tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 127/2006 vào ngày 08 tháng 9 năm 2006 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp. Chị H trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vì lý do tiền bạc nên không có tiếng nói chung.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị H cho rằng đã tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy 03 con chung. Tuy nhiên, từ khi Toà án mời hai vợ chồng đến để tiến hành hoà giải đoàn tụ lần thứ nhất, tại buổi hoà giải anh L yêu cầu cho anh L thời hạn 15 ngày để anh L tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng sau khi về nhà L không có tìm cách để hàn gắn tình cảm nên vợ chồng không đoàn tụ được. Do đó, nay chị H nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh L.

Còn anh L tại buổi hoà giải tại Toà án, anh L yêu cầu Toà án cho anh L 15 ngày kể từ 29/12/2021 để anh L tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trên Toà án đã triệu tập anh L đến Toà án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải 02 lần anh L đều

vắng mặt. Toà án cũng đã triệu tập anh L đến Toà án tham gia phiên toà đến lần thứ hai anh L cũng đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh L không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H đối với anh Văn Công L.

[2.2] Về con chung: Theo chị H trình bày vợ chồng sống chung có 03 con chung tên Văn Công Tuấn V, sinh ngày 30/4/2006, Văn Công Tuấn Kh, sinh ngày 13/10/2013 và Văn Công Tuấn Ph, sinh ngày 07/10/2015, con chung hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Xét thấy con chung đang do chị H nuôi dưỡng, cháu Tuấn Vũ và cháu Tuấn Khanh trên 07 tuổi có ý kiến trình bày là hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Văn Công L cũng không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao 03 con chung tên Văn Công Tuấn V, sinh ngày 30/4/2006, Văn Công Tuấn Kh, sinh ngày 13/10/2013 và Văn Công Tuấn Ph, sinh ngày 07/10/2015, cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết còn anh L không trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí sơ là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Văn Công L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Văn Công L.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Văn Công Tuấn V, sinh ngày 30/4/2006, Văn Công Tuấn Kh, sinh ngày 13/10/2013 và Văn Công Tuấn Ph, sinh ngày 07/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Văn Công L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Nguyễn Thị Kim H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh Văn Công L không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của Nguyễn Thị Kim H.

3 Về cấp dưỡng nuôi: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai số 0002273 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Chị Nguyễn Thị Kim H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Văn Công L được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (CNKH 127/2006)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Văn Nội**